

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST

Ngày 17 - 02 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm;

Ông Huỳnh Minh Bền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thái Thanh T, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Nguyễn Hoa Th, sinh năm 1994;
Ông Nguyễn Sỹ B, sinh năm 1996 (xin vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: đường B, khóm N, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/02/2020 bà Nguyễn Thái Thanh T có cho bà Phạm Thị Thu N vay số tiền 300.000.000đ, mục đích vay làm ăn, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, khi vay có làm biên nhận. Sau khi vay, bà N không thực hiện đúng

thỏa thuận, không trả lãi, không trả vốn như cam kết, bà T có nhắc nhở nhiều lần nhưng không kết quả.

Quá trình Tòa án giải quyết bà N thừa nhận nợ và có chuyển khoản nhiều lần cho bà T với số tiền 42.000.000đ. Nay nguyên đơn thống nhất đối trừ 42.000.000đ vào tiền vốn. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vốn 258.000.000đ và 90.171.000đ tiền lãi (Lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/01/2022 là 22 tháng 15 ngày). Tổng số tiền vốn và lãi bà T yêu cầu bà N thanh toán là: 348.171.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Xuân K đại diện bị đơn trình bày:

Ngày 16/02/2020 bà Phạm Thị Thu N có vay tiền của bà Nguyễn Thái Thanh T số tiền 300.000.000đ. Sau khi vay bà N có chuyển khoản trả nhiều lần với tổng số tiền 42.000.000đ (có bản sao kê kèm theo). Phần nợ còn lại do dịch Covid 19 kéo dài kinh doanh bị ngưng trệ nên chưa thanh toán đủ cho bà T.

Nay bà N đồng ý hoàn trả số tiền 258.000.000đ tiền vốn và tiền lãi với lãi suất 0,9%/tháng cho bà T từ ngày 16/02/2020 đến ngày 16/02/2022 là 64.800.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Nguyễn Hoa Th là đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thái Thanh T yêu cầu bà Phạm Thị Thu N thanh toán số tiền còn nợ 258.000.000đ (sau khi đã trừ 42.000.000đ) và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vay đến ngày 25/01/2022 là 22 tháng 15 ngày với số tiền là 348.171.000đ. Bị đơn bà Phạm Thị Thu N thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 258.000.000đ và tiền lãi 64.800.000đ (lãi suất 0,9%/tháng). Các đương sự thống nhất vốn vay ban đầu là 300.000.000đ, sau đó bị đơn có chuyển trả nhiều lần với số tiền 42.000.000đ, đối trừ hiện còn nợ số tiền vốn là 258.000.000đ. Vấn đề các đương sự chưa thống nhất là mức lãi suất phải thanh toán.

Xét về thời gian tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi 90.171.000đ (lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 16/02/2020 đến ngày 25/01/2022), khoảng thời gian từ ngày 26/01/2022 đến ngày xét xử (17/02/2022) nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, yêu cầu này là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận, mặc dù về số tháng nguyên đơn tính (22 tháng 15 ngày) là có sự chênh lệch về số tháng nhưng về mốc thời gian và số tiền là phù hợp nên không điều chỉnh sự chênh lệch này.

Xét về mức lãi suất: Tại biên nhận đôi bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất các bên thỏa thuận, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa đại diện bị đơn xác định khi vay các bên có thỏa thuận mức lãi suất 0,9%/tháng, chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản, nguyên đơn xác định lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. Việc các bên đương sự khai không thống nhất về

mức lãi suất, xét lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, tại biên nhận bị đơn có ghi trả lãi và cần lấy lại sẽ hoàn đầy đủ, nhưng bị đơn không ghi cụ thể mức lãi suất vay là lỗi của bị đơn nên tự gánh chịu hậu quả, đồng thời quá trình vay bị đơn không thực hiện theo cam kết nên về nghĩa vụ là có vi phạm, Hơn nữa, từ ngày vay (Ngày 16/02/2020) đến nay bị đơn có thời gian dài sử dụng tiền của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu lãi suất 1,5%/tháng là có cơ sở được chấp nhận. Cụ thể:

Vốn: 258.000.000đ x 1,5%/tháng x 23 tháng 09 ngày (Từ ngày 16/02/2020 đến 25/01/2022) bằng: 90.171.000đ.

Như vậy: Cộng vốn và lãi 258.000.000đ + 90.171.000đ bằng 348.171.000đ, số tiền này cần buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn là thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, có đơn đề nghị nộp cho Tòa án kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn nên bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 12, 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Thu N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thái Thanh T tổng số tiền là: 348.171.000đ. Trong đó: Vốn 258.000.000đ, lãi 90.171.000đ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Phạm Thị Thu N được miễn nộp án phí theo quy định.

+ Bà Nguyễn Thái Thanh T không phải chịu án phí. Ngày 12/8/2021 bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 9.412.500đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001351 được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Lê Thị Thu